

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 3 – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.- Điện thoại: (0258) 3521188; 2220468.- Số tài khoản: 0102743068004
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án: tại các trạm biến áp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trạm biến áp 220kV Đức Trọng, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng- Trạm biến áp 220kV Hàm Tân, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng- Trạm biến áp 220kV Phan Thiết, xã Hàm Liêm, tỉnh Lâm Đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: Các văn bản, tài liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người nhận: Công ty Truyền tải điện 3.- Địa chỉ: 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.- Điện thoại: (0258) 3521188; 2220468.
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy theo điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc vào ngày ký kết hợp đồng.- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ đảm bảo được nêu trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: <u> </u> [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT</i>].</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Tòa án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Tòa án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Tòa án.</p> <p>Luật áp dụng: Luật Việt Nam.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hoá được giao tại công trình: chi tiết nêu tại Chương V của E-HSMT và E-ĐKC 1.11 - Số đợt giao hàng: 01 đợt

- Khi hàng đến kho Bên A sẽ được kiểm tra bởi Bên A hoặc đại diện của Bên A.

- Khiếu nại, nếu có sẽ được gửi bằng fax và phát chuyển nhanh cho Bên B các bản gốc, được xác nhận bằng thư có đăng ký, kèm chứng từ trong thời hạn quy định tại Luật Thương mại hiện hành.

- Trong trường hợp hàng hoá mua không đúng quy định hoặc có khác biệt, Bên B có trách nhiệm thay thế hàng hoá nói trên bằng chi phí của mình theo giá hợp đồng + chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB hỏng + chi phí lắp đặt. Bên A sẽ hoàn trả hàng hoá không đúng quy định theo yêu cầu bằng chi phí của Bên B.

- Khi gửi hàng, Bên B sẽ gửi cho Bên A bằng fax hoặc phát chuyển nhanh đầy đủ chi tiết của chuyến hàng bao gồm số hợp đồng, mô tả hàng, số lượng, phương tiện vận chuyển, ngày giao hàng, tất cả các dữ kiện cần thiết khác.

- Bên B sẽ gửi fax và phát chuyển nhanh các tài liệu sau cho Bên A:

- Đối với vật tư thiết bị sản xuất tại nước ngoài được cung ứng theo hợp đồng trong nước, hồ sơ tài liệu gồm có:

+ Thông báo giao hàng, Bản liệt kê chi tiết hàng hóa.

+ Chứng chỉ xuất xứ hoặc Chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

+ Chứng chỉ chất lượng của nhà chế tạo, Hóa đơn do bộ tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước cấp phép lưu hành,

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có), các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng (*Phục vụ thi công lắp đặt, bảo quản, bảo dưỡng: catalogue, tài liệu hướng dẫn lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo quản bảo dưỡng...*).

+ Chứng chỉ bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Bên bán;

+ Hồ sơ xuất xưởng của nhà sản xuất (gồm chứng chỉ xuất xưởng, các chứng chỉ thí nghiệm, thử nghiệm được nêu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật).

Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

(Nội dung cụ thể sẽ được đàm phán trong giai đoạn thương thảo đàm phán hợp đồng, phù hợp quy định hiện hành EVN/EVNNPT).

- Đối với vật tư thiết bị được gia công chế tạo trong nước:

+ Thông báo giao hàng, Bảng liệt kê chi tiết hàng hóa.

+ Chứng chỉ bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Bên bán;

	<p>+ Bản kiểm nghiệm chất lượng của nhà sản xuất hoặc cơ quan, đơn vị có chức năng tại Việt Nam.</p> <p>+ Hóa đơn do Bộ tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng Nhà nước cấp phép lưu hành, chứng từ đã nộp thuế do cơ quan chức năng phát hành (nếu có), các tài liệu kỹ thuật quy định trong hợp đồng (<i>Phục vụ thi công lắp đặt, bảo quản, bảo dưỡng: catalogue, tài liệu hướng dẫn lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo quản bảo dưỡng...</i>).</p> <p>- Các tài liệu nói trên sẽ được Bên A nhận tối thiểu là một tuần trước khi hàng đến kho Bên A, nếu không nhận được Bên A sẽ không nhận hàng, Bên B sẽ chịu các chi phí phát sinh.</p> <p>- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận hàng hoá nếu các tài liệu do bên B cung cấp không phù hợp với các quy định của hợp đồng mà không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào khác.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong Hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó để Bên A xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật).</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p> <p><i>(Nội dung cụ thể sẽ được đàm phán trong giai đoạn thương thảo đàm phán hợp đồng, phù hợp quy định hiện hành EVN/EVNNPT).</i></p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: trọn gói
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng, văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B và bảo lãnh tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, Bên A ứng trước cho Bên B 10% giá trị hàng hóa không bao gồm VAT, theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, theo Mẫu số 19 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng</p>

	<p>tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền Việt Nam, phí chuyển tiền do Nhà thầu chịu. - Số lần thanh toán: tối đa 02 đợt (bao gồm đợt tạm ứng). + Đợt 01: Trong vòng 14 ngày làm việc Bên A sẽ thanh toán tạm ứng cho Bên B theo điều khoản tạm ứng quy định tại E-ĐKC 14.1 sau khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B (10% giá trị hàng hoá trước thuế GTGT). ▪ Bảo lãnh tạm ứng. + Đợt 02: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị còn lại trong vòng 14 ngày làm việc sau khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán giá trị còn lại của Bên B.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Biên bản kiểm nghiệm hàng hóa của Bên A. ▪ Hóa đơn thuế GTGT hàng hóa theo hợp đồng. ▪ Bảng kê chi tiết hàng hóa đóng gói. ▪ Cam kết số lượng, chất lượng hàng hoá của Bên B. ▪ Giấy chứng nhận xuất xứ, chất lượng hàng hóa. ▪ Giấy chứng nhận bảo hành. ▪ Hồ sơ chứng từ khác theo quy định tại E-ĐKC 9. ▪ Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành, có giá trị tương ứng 5% giá trị hợp đồng. ▪ Biên bản thanh lý hợp đồng. <p>Trường hợp Bên B bị phạt hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt và bồi thường thiệt hại vào số tiền thanh toán cho Bên B.</p> <p><i>Hồ sơ tài liệu về chứng nhận xuất xứ, chất lượng hàng hóa, chứng chỉ thí nghiệm, kiểm nghiệm hàng hóa (nếu có) phải đảm bảo tính pháp lý theo quy định, yêu cầu phải là bản gốc hoặc bản sao y công chứng. Số lượng hồ sơ chứng từ và các nội dung liên quan sẽ được thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.</i></p>
E-ĐKC 15.2	Quyền: không.
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu hụt các phương tiện chuyên tải chuyên dùng ở mọi điểm. - Tất cả các kiện hàng có trọng lượng từ 3 tấn trở lên hoặc kích cỡ từ 1m³ trở lên cần phải được đánh dấu trọng tâm của kiện hàng đó bằng ký hiệu “0” hoặc 2 chữ “TT”. Trên bề mặt của tất cả các kiện hàng sẽ được ghi rõ ràng các dòng chữ sau đây: <p>Đóng gói hàng hóa: Ký hiệu và mã số sau đây được thực hiện bằng sơn không phai màu trên mỗi kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hợp đồng: - Tên dự án: - Người gửi: - Người nhận: - Kích thước: - Thể tích (m³): - Khối lượng tịnh và toàn bộ:

E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm:</p> <p>Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng 110% giá trị hàng hóa từ "kho" tới "kho" trên cơ sở "tất cả các rủi ro" ngoại trừ rủi ro chiến tranh hoặc đình công.</p> <p>Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bên B có trách nhiệm yêu cầu, đơn đốc và phối hợp với tổ chức bảo hiểm để hoàn tất việc bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hóa được bảo hiểm trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm</p> <p>Tuân thủ Văn bản 2980/EVNNPT- QLĐT-TCKT-VT ngày 29/7/2016 của Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia về “Quy định về bảo hiểm hàng hóa và sửa đổi bổ sung mẫu HSMT vận chuyển hàng hóa nội địa”.</p>
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển hàng hoá tới địa điểm giao hàng, hạ hàng xuống mặt bằng trạm theo quy định của Chủ đầu tư (mặt bằng tương ứng với phạm vi cung cấp). + Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá (kể cả chi phí bốc dỡ hàng hoá lên phương tiện vận chuyển và xuống mặt bằng tại điểm đến cuối cùng), chi phí bảo hiểm (nếu có) đều do Nhà thầu thanh toán và tính vào trong giá hợp đồng. + Nhà thầu phải phối hợp với đơn vị quản lý dự án; tư vấn giám sát (nếu có); nhà thầu xây lắp (nếu có) đảm bảo dự án không bị trở ngại trong bất cứ giai đoạn thi công nào. + Các yêu cầu khác về dịch vụ kỹ thuật (nếu có) được quy định trong Phụ lục “Yêu cầu về mặt kỹ thuật” của E-HSMT đính kèm <p><i>Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Bên mời thầu và nhà thầu sẽ thống nhất bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết) trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: Theo Mẫu số 01D và Chương V E- HSMT.</p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>a. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả hàng hóa phải được thử nghiệm để khẳng định tính đáp ứng các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu về mặt kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT. - Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng 15 ngày (Chủ đầu tư điền ngày phù hợp với yêu cầu từng loại VTTB và gói thầu) sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư

	<p>sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có. - Việc chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (nếu có) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng. <p>b. Kiểm tra trước khi chấp nhận hàng hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và tình trạng của hàng hóa sẽ được kiểm tra tại kho Bên Mua bởi đại diện của Bên bán, Bên mua và đơn vị giám định độc lập (nếu có). Biên bản giám định sẽ được lập và ký bởi các bên và là cơ sở để Bên Mua khiếu nại Bên bán nếu hàng hóa có sai khác. Chi phí giám định do Bên Bán chịu. - Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng và chất lượng của hàng hoá so với quy định trong Hợp đồng, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại số hàng hóa thay thế không phù hợp đó, cấp tại kho công trình và chịu toàn bộ các chi phí liên quan (chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB hỏng + chi phí lắp đặt, thí nghiệm lại (nếu có)) trong vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Bên A. Bên A sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của Nhà thầu. - Các chi phí liên quan đến sai khác về số lượng và chất lượng hàng hoá bao gồm vận chuyển bốc dỡ tại địa điểm giao nhận do Bên B chịu trách nhiệm. - Bên A sẽ có quyền tham dự các cuộc kiểm định nêu trên (nếu có) bằng chi phí của mình. - Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất. Việc nghiệm thu của Bên A không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật tư về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất, thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi của Bên B hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng. - <i>Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Bên mời thầu và nhà thầu sẽ thống nhất bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết) trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: theo yêu cầu quy định tại chương V của E-HSMT.

<p>E-ĐKC 22</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E- ĐKC, nếu Nhà thầu không giao hàng hoặc không cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 01%/tuần (giá trị phần hợp đồng bị vi phạm) cho 02 tuần đầu tiên và 3%/tuần (giá trị phần hợp đồng bị vi phạm) cho mỗi tuần chậm trễ tiếp theo cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% (giá trị phần hợp đồng bị vi phạm). Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. Nếu hàng giao chậm là phụ kiện của thiết bị thì giá trị tính phạt là giá trị của thiết bị. Chậm từ 4 ngày trở lên, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ, được tính là 1 tuần.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường toàn bộ các chi phí thiệt hại thực tế phát sinh cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị.</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. • Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.
<p>E-ĐKC 23.3</p>	<p>Thời hạn bảo hành là: nhà thầu có trách nhiệm bảo hành hàng hoá như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên Bán có trách nhiệm bảo hành hàng hoá trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa hoặc không quá 36 tháng kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng, tùy điều kiện nào đến trước. - Đối với các vật tư thiết bị do Bên Bán sửa chữa hoặc

thay thế trong thời gian bảo hành thì thời hạn bảo hành cho các thiết bị này là 24 tháng kể từ ngày kết thúc việc sửa chữa hoặc thay thế.

- Giá trị bảo lãnh bảo hành: 5% giá hợp đồng.

- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hàng hóa/dịch vụ được nghiệm thu và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành có giá trị bằng 5 phần trăm (%) giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ phát hành đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

- Hai bên thống nhất sử dụng mẫu Phiếu bảo hành Vật tư thiết bị (VTTB) do EVNNPT ban hành tại Văn bản số 1237/EVNNPT- PC ngày 10/04/2018.

- Trong thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị định kỳ theo quy định. Trong trường hợp thiết bị bị hỏng hóc, sự cố không do lỗi vận hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục sửa chữa, cung cấp và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Ngoài thời hạn bảo hành, nếu thiết bị bị hỏng hóc, sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư cũng như đơn vị quản lý vận hành kiểm tra, khắc phục sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian sớm nhất.

- Ngoài thời hạn bảo hành, nếu thiết bị bị hỏng hóc, sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư cũng như đơn vị quản lý vận hành kiểm tra, khắc phục sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian sớm nhất.

- Nhà thầu/nhà sản xuất phải có trách nhiệm giải quyết, xử lý các khiếm khuyết và hỏng hóc của thiết bị do lỗi của nhà sản xuất sau khi hết bảo hành. Nếu nhà thầu/nhà sản xuất không kịp thời khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hay hỏng hóc của thiết bị bên mua có quyền tạm dừng mua chủng loại thiết bị đó.

- Địa điểm để áp dụng bảo hành là: tương ứng với địa điểm thực hiện dự án E-ĐKC 1.11.

E-ĐKC 23.5

E-ĐKC 23.6

Thời hạn sửa chữa, thay thế là:

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

+ Khi kiểm tra, nghiệm thu cũng như trong quá trình lắp đặt vận hành, nếu hàng hoá không phù hợp về mặt kỹ thuật hoặc chất lượng không đảm bảo thì Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản để Bên B có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời, nhưng không muộn hơn 15 ngày kể từ khi Bên B nhận được thông báo của Bên A.

+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời hạn bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B, Chủ đầu tư phải thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Thời gian thực hiện:

+ Đối với hàng hóa được xác định có thể xử lý tại công trường: Nhà thầu phải tiến hành thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian không quá 45 ngày, kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản.

+ Đối với hàng hóa được xác định không thể xử lý tại công trường: Nhà thầu phải tiến hành thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian không quá 120 ngày kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản.

Sau khi đã nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nếu Nhà thầu cố tình trì hoãn hoặc không sửa chữa và/hoặc thay thế những hàng hoá có khuyết tật trong thời gian quy định nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện hoặc có thể tiến hành việc sửa chữa đó (nếu được), Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này, với rủi ro và chi phí của Nhà thầu mà không có ảnh hưởng đến bất cứ nghĩa vụ hay quyền lợi của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu. Nếu không Bên A sẽ đơn phương tịch thu bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành mà không cần đưa ra bất cứ lý do gì. Khi đó Bên A sẽ có thư cảnh cáo/phê bình Bên B và có quyền tạm dừng mua chủng loại vật tư, thiết bị đó.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận;

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết

	<p>hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành</p> <p>Khi kết thúc bảo hành, Bên B lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Bên A. Bên A có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp vật tư thiết bị. Bên A mời Đơn vị quản lý vận hành tham gia xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp VTTB.</p> <p>Trong trường hợp Bên A hoặc đơn vị quản lý vận hành chưa chấp nhận Bên B hoàn thành việc bảo hành công trình thì Bên A phải làm việc với Bên B để thống nhất các nội dung, thời gian khắc phục các tồn tại đó. Đồng thời gia hạn thời gian bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại nêu trên. Sau khi các tồn tại được giải quyết, Bên B sẽ thực hiện lại thủ tục yêu cầu xác nhận hoàn thành việc bảo hành. Đồng thời Bên A thực hiện các thủ tục giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Bên B.</p> <p>Đánh giá chất lượng VTTB trong giai đoạn vận hành: Công khai trong HSMT để nhà thầu tham dự thầu biết các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>